

# Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



**EY**

Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34

# Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và mua bán phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Cao Minh Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Đinh Thị Lan Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Cao Minh Lâm	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Huỳnh Văn Thôn	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Kim	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Vũ Ngọc Tường	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	
Ông Võ Văn Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Ngọc Yến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thông	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Thanh Bào	Giám đốc Điều hành	bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016
Ông Võ Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đinh Thị Lan Phương.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đinh Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61063740/18591488

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>564.718.358.907</b>	<b>611.137.717.711</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>157.403.326.113</b>	<b>234.682.100.627</b>
111	1. Tiền		5.483.326.113	29.359.100.627
112	2. Các khoản tương đương tiền		151.920.000.000	205.323.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>25.440.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	25.440.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>52.815.736.685</b>	<b>95.594.609.022</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48.160.582.106	90.263.136.828
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.199.354.309	4.003.291.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.153.479.370	1.916.456.314
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(697.679.100)	(588.275.550)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>347.607.458.072</b>	<b>247.623.041.879</b>
141	1. Hàng tồn kho		352.489.546.044	254.184.981.450
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.882.087.972)	(6.561.939.571)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.891.838.037</b>	<b>7.797.966.183</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		933.500.394	471.152.082
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.114.088.224	7.326.814.101
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	844.249.419	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>176.629.870.631</b>	<b>180.497.713.713</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>381.000.000</b>	<b>371.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		381.000.000	371.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>147.479.041.302</b>	<b>150.890.756.500</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	117.715.801.223	121.075.241.421
222	Nguyên giá		253.646.487.403	237.113.647.767
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(135.930.686.180)	(116.038.406.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	29.763.240.079	29.815.515.079
228	Nguyên giá		29.903.801.746	29.903.801.746
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(140.561.667)	(88.286.667)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.248.078.953</b>	<b>8.386.610.896</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.248.078.953	8.386.610.896
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>10.561.098.000</b>	<b>10.561.098.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.1	10.451.148.000	10.451.148.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		109.950.000	109.950.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.960.652.376</b>	<b>10.288.248.317</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.554.977.359	8.790.367.195
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.405.675.017	1.497.881.122
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>741.348.229.538</b>	<b>791.635.431.424</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>391.434.411.675</b>	<b>408.393.373.855</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>382.023.433.133</b>	<b>401.065.027.355</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	25.176.803.473	13.027.087.841
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.593.161.985	5.872.641.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	132.857.488	8.861.319.044
314	4. Phải trả người lao động		8.887.627.007	11.883.154.753
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.353.179.230	1.452.411.808
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.116.194.565	4.004.904.814
320	7. Vay ngắn hạn	19	328.004.795.830	350.556.370.347
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	7.758.813.555	5.407.137.555
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.410.978.542</b>	<b>7.328.346.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		120.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	2.348.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.942.978.542	7.328.346.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>349.913.817.863</b>	<b>383.242.057.569</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>349.913.817.863</b>	<b>383.242.057.569</b>
411	1. Vốn cổ phần		182.000.000.000	182.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.000.000.000	182.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		117.254.000.000	112.527.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.021.000.000	5.021.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.638.817.863	83.694.057.569
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		39.219.057.569	36.336.300.986
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		6.419.760.294	47.357.756.583
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>741.348.229.538</b>	<b>791.635.431.424</b>

  
Trần Phước Hưng  
Người lập

  
Huỳnh Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

  
Đinh Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.903.253.692.568	2.114.043.691.483
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.330.922.638)	(22.417.144.360)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.901.922.769.930	2.091.626.547.123
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.781.139.367.897)	(1.960.994.833.566)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.783.402.033	130.631.713.557
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.395.172.619	76.348.699.306
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(19.807.495.277) (15.281.916.224)	(28.422.386.199) (21.041.236.827)
25	8. Chi phí bán hàng		(99.866.125.759)	(112.991.402.076)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(12.957.575.639)	(19.404.387.734)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		547.377.977	46.162.236.854
31	11. Thu nhập khác	26	6.364.020.752	15.343.083.569
32	12. Chi phí khác	26	(250.741.321)	(1.418.251.820)
40	13. Lợi nhuận khác	26	6.113.279.431	13.924.831.749
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.660.657.408	60.087.068.603
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(148.691.009)	(12.664.580.834)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(92.206.105)	(64.731.186)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.419.760.294	47.357.756.583
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	353	2.418
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31		2.418



Trần Phước Hưng  
Người lập



Huỳnh Thanh Tùng  
Kế toán trưởng



Đinh Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>6.660.657.408</b>	<b>60.087.068.603</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	20.314.554.834	17.920.704.926
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.570.448.049)	225.348.719
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.2, 24	1.389.335.155	(88.605.062)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.971.999.772)	(74.197.087.048)
06	Chi phí lãi vay	24	15.281.916.224	21.041.236.827
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.104.015.800</b>	<b>24.988.666.965</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		53.150.044.966	(70.430.111.570)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(98.304.564.594)	87.653.483.844
11	Tăng các khoản phải trả		1.436.032.953	11.511.699.980
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		773.041.524	(1.895.121.682)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.423.723.577)	(20.926.893.293)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.706.271.543)	(3.390.537.866)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.381.691.958)	(6.025.621.137)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(37.353.116.429)</b>	<b>21.485.565.241</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(17.790.218.998)	(50.255.682.781)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		119.090.909	7.159.090.908
23	Chi gửi tiền ngắn hạn ngân hàng		(3.100.000.000)	(116.817.500.000)
24	Thu tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		28.540.000.000	111.377.500.000
26	Tiền thu thanh lý các khoản đầu tư vào công ty khác		-	212.491.685.500
27	Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức nhận được		10.286.112.809	7.596.692.789
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>18.054.984.720</b>	<b>171.551.786.416</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay đã nhận		1.885.812.230.506	2.116.782.439.634
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.907.392.975.023)	(2.106.191.855.682)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	21.3	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(57.980.744.517)</b>	<b>1.490.583.952</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(77.278.876.226)	194.527.935.609
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		234.682.100.627	40.188.094.759
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		101.712	(33.929.741)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	157.403.326.113	234.682.100.627



Trần Phước Hưng  
Người lập



Huỳnh Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; mua bán phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 335 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 317).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo tài chính.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập trên báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

▶ *Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ này được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	3.261.005.901	2.320.952.729
Tiền gửi ngân hàng	2.222.320.212	27.038.147.898
Các khoản tương đương tiền	151.920.000.000	205.323.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>157.403.326.113</b>	<b>234.682.100.627</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,2% mỗi năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	48.148.942.106	90.254.616.828
- DGL Commodities Inc	9.099.215.775	-
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một Thành viên	6.688.706.340	349.475.000
- San Pedro Multi Purpose Cooperative	5.274.283.950	-
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	1.950.278.667	6.167.691.465
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	-	63.296.378.647
- Các khách hàng khác	25.136.457.374	20.441.071.716
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.640.000	8.520.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.160.582.106</b>	<b>90.263.136.828</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(697.679.100)	(588.275.550)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>47.462.903.006</b>	<b>89.674.861.278</b>

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam	1.519.395.991	2.120.950.412
Công ty Cổ phần Cơ Khí Chế Tạo Máy Long An	642.824.000	189.409.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm	-	589.383.000
Các nhà cung cấp khác	1.037.134.318	1.103.548.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.199.354.309</u></b>	<b><u>4.003.291.430</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền bồi thường	908.400.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	616.688.276	1.049.892.222
Tạm ứng	500.594.094	738.767.092
Các khoản khác	127.797.000	127.797.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.153.479.370</u></b>	<b><u>1.916.456.314</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	188.403.449.400	(3.593.753.883)	103.352.052.697	(5.367.000.000)
Hàng hóa	150.938.400.856	(1.288.334.089)	129.633.270.407	(1.194.939.571)
Nguyên vật liệu	11.121.939.189	-	19.006.748.387	-
Công cụ, dụng cụ	2.025.756.599	-	2.192.909.959	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>352.489.546.044</u></b>	<b><u>(4.882.087.972)</u></b>	<b><u>254.184.981.450</u></b>	<b><u>(6.561.939.571)</u></b>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19).

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.561.939.571)	(9.392.504.152)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.882.087.972)	(6.561.939.571)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	6.561.939.571	9.392.504.152
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(4.882.087.972)</u></b>	<b><u>(6.561.939.571)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	108.978.918.324	108.945.629.849	13.452.251.853	5.736.847.741	237.113.647.767
Mua sắm mới	-	3.301.010.455	1.575.888.002	927.343.499	5.804.241.956
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.915.624.392	5.182.973.288	-	-	11.098.597.680
Thanh lý trong năm	-	-	(370.000.000)	-	(370.000.000)
Số cuối năm	<u>114.894.542.716</u>	<u>117.429.613.592</u>	<u>14.658.139.855</u>	<u>6.664.191.240</u>	<u>253.646.487.403</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	22.429.591.276	25.126.184.601	3.738.007.144	2.005.176.401	53.298.959.422
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(49.535.991.252)	(56.072.172.679)	(6.461.932.742)	(3.968.309.673)	(116.038.406.346)
Khấu hao trong năm	(6.486.631.385)	(11.719.132.678)	(1.290.902.920)	(765.612.851)	(20.262.279.834)
Thanh lý trong năm	-	-	370.000.000	-	370.000.000
Số cuối năm	<u>(56.022.622.637)</u>	<u>(67.791.305.357)</u>	<u>(7.382.835.662)</u>	<u>(4.733.922.524)</u>	<u>(135.930.686.180)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>59.442.927.072</u>	<u>52.873.457.170</u>	<u>6.990.319.111</u>	<u>1.768.538.068</u>	<u>121.075.241.421</u>
Số cuối năm	<u>58.871.920.079</u>	<u>49.638.308.235</u>	<u>7.275.304.193</u>	<u>1.930.268.716</u>	<u>117.715.801.223</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 19)</i>	1.262.822.088	-	-	-	1.262.822.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	29.642.426.746	261.375.000	29.903.801.746
<b>Gía trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(88.286.667)	(88.286.667)
Hao mòn trong năm	-	(52.275.000)	(52.275.000)
Số cuối năm	-	(140.561.667)	(140.561.667)
<b>Gía trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	29.642.426.746	173.088.333	29.815.515.079
Số cuối năm	29.642.426.746	120.813.333	29.763.240.079

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	3.802.402.540	6.240.746.988
Chi phí cải tạo nhà máy	5.076.510.340	-
Cửa hàng Honda	-	2.106.418.908
Các công trình khác	369.166.073	39.445.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.248.078.953</b>	<b>8.386.610.896</b>

Công ty đã thế chấp một phần máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 19.3).

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 12.1)	10.451.148.000	10.451.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	109.950.000	109.950.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.561.098.000</b>	<b>10.561.098.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty nhận đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn An Giang	Siêu thị	25	7.500.000.000	25	7.500.000.000
Công ty Angimex - Kitoku	Xuất nhập khẩu gạo	32,96	2.951.148.000	32,96	2.951.148.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.451.148.000</b>		<b>10.451.148.000</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	3.547.570.132	3.638.570.127
Công cụ và dụng cụ	1.719.380.404	3.256.909.102
Khác	2.288.026.823	1.894.887.966
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.554.977.359</b>	<b>8.790.367.195</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	20.103.829.131	10.973.573.592
Khác	5.072.974.342	2.053.514.249
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.176.803.473</b>	<b>13.027.087.841</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả tiền trước từ bên khác	6.593.161.985	4.734.641.193
- Everwell PTE Ltd	2.506.096.118	-
- Cebu Lite Trading Inc	863.359.750	-
- Uni Agro Native Products Inc	857.395.575	-
- Enhance International LCC	785.303.699	1.422.827.379
- Công ty TNHH Vũ Hoàn	124.273.000	1.100.000.000
- Nhà cung cấp khác	1.456.733.843	2.211.813.814
Trả tiền trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	1.138.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.593.161.985</u></b>	<b><u>5.872.641.193</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.713.331.115	148.691.009	(8.862.022.124)	-
Thuế thu nhập cá nhân	147.987.929	813.248.897	(828.379.338)	132.857.488
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.861.319.044</u></b>	<b><u>961.939.906</u></b>	<b><u>(9.690.401.462)</u></b>	<b><u>132.857.488</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	844.249.419	-	844.249.419

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	729.658.333	871.465.686
Chi phí chiết khấu, vận chuyển	201.012.565	-
Các khoản khác	422.508.332	580.946.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.353.179.230</u></b>	<b><u>1.452.411.808</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả từ cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
Các khoản khác	1.698.615.772	1.587.326.021
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.116.194.565</u></b>	<b><u>4.004.904.814</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. VAY**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		Rút vốn	Trả nợ gốc vay	Đánh giá lại	
					VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>350.556.370.347</b>	<b>1.883.464.230.506</b>	<b>(1.907.392.975.023)</b>	<b>1.377.170.000</b>	<b>328.004.795.830</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	345.750.260.000	1.874.917.203.153	(1.898.840.973.153)	1.377.170.000	323.203.660.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 19.2)	4.806.110.347	7.375.027.353	(8.552.001.870)	-	3.629.135.830
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.172.000.000	-	-	1.172.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.520.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.520.000.000</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	-	3.520.000.000	-	-	3.520.000.000
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.172.000.000	-	-	1.172.000.000
Vay dài hạn	-	3.520.000.000	(1.172.000.000)	-	2.348.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>350.556.370.347</b>	<b>1.886.984.230.506</b>	<b>(1.908.564.975.023)</b>	<b>1.377.170.000</b>	<b>330.352.795.830</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất % năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	157.604.660.000	Từ 3 đến 4 tháng từ ngày giải ngân	Từ 1,8 đến 5	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân Hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Cần Thơ	85.519.000.000	90 ngày từ ngày giải ngân	Từ 1,8 đến 4,2	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh An Giang	40.000.000.000	2 tháng từ ngày giải ngân	4,8	Hàng tồn kho, tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	40.080.000.000	Từ 1 đến 2 tháng từ ngày giải ngân	Từ 4,3 đến 4,7	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>323.203.660.000</u></b>			

**19.2 Vay cá nhân**

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay tín chấp từ các cán bộ công nhân viên của Công ty với thời gian hoàn trả linh hoạt và chịu lãi suất bình quân 5,04%/năm.

**19.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Các khoản vay dài hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu cải tạo nhà máy của Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất % năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	<u>3.520.000.000</u>	Từ ngày giải ngân đến ngày 14 tháng 12 năm 2019	7	Nhà xưởng và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Vào ngày 1 tháng 1	5.407.137.555	8.235.524.692
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 21.1)	3.348.000.000	800.000.000
Sử dụng quỹ	<u>(996.324.000)</u>	<u>(3.628.387.137)</u>
<b>Vào ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>7.758.813.555</u></b>	<b><u>5.407.137.555</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

					VND
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	182.000.000.000	112.008.000.000	4.865.000.000	46.911.300.986	345.784.300.986
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	47.357.756.583	47.357.756.583
Chia cổ tức	-	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Trích lập quỹ	-	519.000.000	156.000.000	(675.000.000)	-
Số cuối năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>112.527.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>83.694.057.569</u>	<u>383.242.057.569</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	182.000.000.000	112.527.000.000	5.021.000.000	83.694.057.569	383.242.057.569
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.419.760.294	6.419.760.294
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(36.400.000.000)	(36.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.348.000.000)	(3.348.000.000)
Trích lập quỹ	-	4.727.000.000	-	(4.727.000.000)	-
Số đầu năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>117.254.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>45.638.817.863</u>	<u>349.913.817.863</u>

(\*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã công bố cổ tức với tổng giá trị là 36.400.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 269/NQĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	94.371.500.000	9.437.150	91.606.500.000	9.160.650
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51.265.500.000	5.126.550	51.265.500.000	5.126.550
Các cổ đông khác	36.363.000.000	3.636.300	39.128.000.000	3.912.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>18.200.000</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>18.200.000</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức công bố	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)
Cổ tức đã chi trả	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)

**21.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>1.903.253.692.568</b>	<b>2.114.043.691.483</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	1.419.789.004.396	1.656.114.489.858
<i>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</i>	483.464.688.172	457.929.201.625
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(1.330.922.638)</b>	<b>(22.417.144.360)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.901.922.769.930</b>	<b>2.091.626.547.123</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	1.418.458.081.758	1.633.697.345.498
<i>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</i>	483.464.688.172	457.929.201.625

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cổ tức	5.753.011.911	3.667.110.589
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.099.896.952	4.365.624.811
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.375.286.156	7.065.021.919
Lãi bán hàng trả chậm	119.677.600	117.434.500
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	61.041.062.425
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	88.605.062
Khác	47.300.000	3.840.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.395.172.619</b>	<b>76.348.699.306</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng nông sản	1.342.427.433.613	1.538.640.074.670
Giá vốn bán xe gắn máy và phụ tùng	438.711.934.284	422.354.758.896
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.781.139.367.897</b>	<b>1.960.994.833.566</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.281.916.224	21.041.236.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.136.243.898	7.349.807.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.389.335.155	-
Khác	-	31.341.865
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.807.495.277</u></b>	<b><u>28.422.386.199</u></b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.737.557.614.088	1.888.017.701.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.726.888.636	117.425.766.731
Chi phí nhân công	35.654.947.442	53.735.819.660
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9 và 10)	20.314.554.834	17.920.704.926
Chi phí bằng tiền khác	13.709.064.295	16.290.630.695
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.893.963.069.295</u></b>	<b><u>2.093.390.623.376</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.364.020.752</b>	<b>15.343.083.569</b>
Tiền phạt nhận được	1.727.528.128	76.440.000
Tiền hoa hồng	1.512.168.877	1.265.929.455
Hỗ trợ lãi suất tạm trừ gạo từ Chính phủ	682.868.633	7.544.462.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định	119.090.909	5.154.631.088
Thu nhập khác	2.322.364.205	1.301.621.026
<b>Chi phí khác</b>	<b>250.741.321</b>	<b>1.418.251.820</b>
Hoàn trả lãi hỗ trợ cho Chính phủ	-	1.109.475.461
Chi phí khác	250.741.321	308.776.359
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>6.113.279.431</u></b>	<b><u>13.924.831.749</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo từ năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	148.691.009	12.664.580.834
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	92.206.105	64.731.186
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>240.897.114</b>	<b>12.729.312.020</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.660.657.408	60.087.068.603
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	1.332.131.482	13.219.155.093
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập cổ tức	(1.150.602.382)	(806.764.330)
Các khoản khác	59.368.014	316.921.257
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>240.897.114</b>	<b>12.729.312.020</b>

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận thuế tài sản TNDN hoãn lại với biến động trong năm báo cáo như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.388.595.708	1.465.669.300	(77.073.592)	(13.958.410)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	435.031	(17.721.012)	18.156.043	(17.484.220)
Khác	16.644.278	49.932.834	(33.288.556)	(33.288.556)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.405.675.017</b>	<b>1.497.881.122</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(92.206.105)</b>	<b>(64.731.186)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Angimex – Kitoku	Công ty liên doanh	Bán gạo	7.684.800.000	1.220.100.000
		Mua gạo	-	838.158.250
		Cho thuê kho	641.638.800	639.394.200
		Nhận chia cổ tức	1.189.059.235	1.070.250.000
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh	Nhận chia cổ tức	4.563.952.676	2.543.786.158
		Bán gạo	138.225.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh	Bán gạo	<u>11.640.000</u>	<u>8.520.000</u>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Angimex – Kitoku	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền mua gạo	<u>-</u>	<u>1.138.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>1.942.376.382</u>	<u>3.006.129.56</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**29. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động thuộc Tỉnh An Giang. Các khoản tiền thuê trong tương lai của các khoản thuê hoạt động sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.079.671.233	1.201.019.178
Từ 1 đến 5 năm	<u>172.931.507</u>	<u>842.958.904</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.252.602.740</u></b>	<b><u>2.043.978.082</u></b>

***Các cam kết đầu tư lớn***

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 1.785.811.981 VND (31 tháng 12 năm 2015 là 1.404.279.273 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm máy móc và xây dựng nhà xưởng.

**30. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Lương thực: kinh doanh trong nước và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực và thực phẩm; và
- Xe gắn máy: kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng và cung cấp dịch vụ bảo trì.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**30. THÔNG TIN BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	VND		
	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.419.789.004.396	483.464.688.172	1.903.253.692.568
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	76.030.648.145	44.752.753.888	120.783.402.033
Chi phí không phân bổ	-	-	(112.823.701.398)
Thu nhập tài chính	-	-	12.395.172.619
Chi phí tài chính	-	-	(19.807.495.277)
Thu nhập khác	-	-	6.113.279.431
Lợi nhuận trước thuế	-	-	6.660.657.408
Thuế TNDN hiện hành	-	-	(148.691.009)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(92.206.105)
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>			<b>6.419.760.294</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	431.335.006.423	101.387.204.272	532.722.210.695
Tiền và tương đương tiền	-	-	157.403.326.113
Tài sản không phân bổ	-	-	51.222.692.730
<b>Tổng tài sản</b>			<b>741.348.229.538</b>
Nợ phải trả của bộ phận	10.963.295.092	20.144.029.131	31.107.324.223
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	360.327.087.452
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>391.434.411.675</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**30. THÔNG TIN BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.656.114.489.858	457.929.201.625	2.114.043.691.483
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	95.057.270.828	35.574.442.729	130.631.713.557
Chi phí không phân bổ			(132.395.789.810)
Thu nhập tài chính			76.348.699.306
Chi phí tài chính			(28.422.386.199)
Thu nhập khác			13.924.831.749
Lợi nhuận trước thuế			60.087.068.603
Thu nhập thuế TNDN hiện hành			(12.664.580.834)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(64.731.186)
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>			<b>47.357.756.583</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	156.302.851.752	81.230.671.268	237.533.523.020
Tiền và tương đương tiền	-	-	234.682.100.627
Tài sản không phân bổ	-	-	319.419.807.777
<b>Tổng tài sản</b>			<b>791.635.431.424</b>
Nợ phải trả của bộ phận	7.431.813.348	11.018.625.502	18.450.438.850
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	389.942.935.005
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>408.393.373.855</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.419.760.294	47.357.756.583
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.348.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	6.419.760.294	44.009.756.583
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND)</b> (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	<b>353</b>	<b>2.418</b>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết số 269/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên ngày 8 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Trần Phước Hưng  
Người lập



Huỳnh Thanh Tùng  
Kế toán trưởng




Đinh Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...165/XNK-TCKT  
(V/v giải trình số liệu chênh lệch BCTC năm  
2016 trước và sau kiểm toán)

An Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (AGM) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch giữa BCTC năm 2016 trước và sau kiểm toán chủ yếu do những nguyên nhân chính sau:

- Ghi giảm chi phí quản lý phải trả: 608.400.000 đồng. Lý do Hội đồng quản trị không nhận thù lao năm 2016.

- Phân loại lại một số chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn trên báo cáo tài chính cho phù hợp.

Các nguyên nhân trên đã làm tổng tài sản và nguồn vốn giảm 89.404.267 đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 557.535.032 đồng so với trước khi kiểm toán.

**1. Bảng cân đối kế toán :**

<b>Chỉ tiêu thay đổi chủ yếu</b>	<b>Số cuối năm (chưa kiểm toán)</b>	<b>Số cuối năm (đã kiểm toán)</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>A. Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	2.153.593.220	2.153.479.370	(113.850)
Thuế GTGT được khấu trừ	5.152.513.672	5.114.088.224	(38.425.448)
Thuế và các khoản phải thu NN	895.549.420	844.249.419	(51.300.001)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.405.239.986	1.405.675.017	435.031
<b>Tổng tài sản</b>	<b>741.437.633.805</b>	<b>741.348.229.538</b>	<b>(89.404.267)</b>
<b>B. Nguồn vốn</b>			
Thuế và các khoản phải nộp NN	171.282.936	132.857.488	(38.425.448)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.961.579.230	1.353.179.230	(608.400.000)
Phải trả ngắn hạn khác	4.116.308.415	4.116.194.565	(113.850)
Vay ngắn hạn	330.352.795.830	328.004.795.830	(2.348.000.000)
Vay dài hạn		2.348.000.000	2.348.000.000

Lợi nhuận chưa PP năm nay	5.862.225.262	6.419.760.294	557.535.032
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>741.437.633.805</b>	<b>741.348.229.538</b>	<b>(89.404.267)</b>

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :**

Chỉ tiêu thay đổi chủ yếu	Năm 2016	Năm 2016	Chênh lệch
	Chưa kiểm toán	Đã kiểm toán	
Doanh thu hoạt động tài chính	12.377.420.613	12.395.172.619	17.752.006
Chi phí tài chính	19.789.743.271	19.807.495.277	17.752.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.565.975.639	12.957.575.639	(608.400.000)
Tổng lợi nhuận KT trước thuế	6.052.257.406	6.660.657.408	608.400.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành	97.391.008	148.691.009	51.300.001
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	92.641.136	92.206.105	(435.031)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>5.862.225.262</b>	<b>6.419.760.294</b>	<b>557.535.032</b>

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



**VÕ THANH BÀO**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT